

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO CỦA THÀNH NGỮ ĐỐI TRONG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN MẠNH TIẾN* - AMPHAY KIRIVONG**

TÓM TẮT: Bài viết xem xét đặc điểm cấu tạo ngữ pháp của thành ngữ đối trong tiếng Việt. Những nội dung chính mà bài viết đề cập đến là: 1.Xác định cách hiểu về thành ngữ đối (theo đó, thành ngữ đối được hiểu là kiểu thành ngữ gồm hai vế có quan hệ đẳng lập, có sự tương ứng với nhau theo từng cặp: giống nhau về số từ, từ loại, về quan hệ cú pháp và quan hệ ngữ nghĩa); 2.Miêu tả đặc điểm cấu tạo ngữ pháp của thành ngữ đối ở các mặt: a) Đặc điểm chung về cấu tạo; b) Đặc điểm cấu tạo của các vế đối; 3.Một số nét độc đáo về cấu tạo của thành ngữ đối trong tiếng Việt.

TỪ KHÓA: cụm từ; thành ngữ đối; cấu tạo; ngữ pháp; vế đối.

NHẬN BÀI: 03/04/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 16/06/2025

1. Đặt vấn đề

Thành ngữ nói chung, thành ngữ đối nói riêng đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu của tác giả khác nhau. (Hồ Lê, 1976; Đỗ Hữu Châu, 2011; Bùi Khắc Việt, 1976; Nguyễn Thiện Giáp, 1985; Hoàng Văn Hành, 1988, 2004; Cù Đình Tú, 2001; Phạm Thuận Thành, 2003; Hà Quang Năng, 2013). Tuy nhiên, qua tìm hiểu ý kiến của các tác giả, chúng tôi nhận thấy đến nay, riêng cấu tạo ngữ pháp của thành ngữ đối vẫn chưa được xem xét một cách thực sự đầy đủ, chi tiết. Với mong muốn làm rõ hơn đặc điểm của thành ngữ đối, trong bài viết này, chúng tôi đã đề cập thêm về đặc điểm của thành ngữ đối trong tiếng Việt xét về mặt cấu tạo ngữ pháp.

2. Khái niệm thành ngữ, thành ngữ đối

Về khái niệm thành ngữ, thành ngữ đối, ý kiến của tác giả không có sự thống nhất. Không có điều kiện và ý định bàn luận sâu về các quan niệm khác nhau trong việc xác định các khái niệm này, ở đây, trên cơ sở tham khảo, tiếp thu (có điều chỉnh, bổ sung) ý kiến của các tác giả đã nhắc đến ở trên, chúng tôi đưa ra cách hiểu của mình về thành ngữ, thành ngữ đối, tạo cơ sở cho việc triển khai nội dung chính của bài viết là miêu tả đặc điểm của thành ngữ đối về mặt cấu tạo ngữ pháp. Chúng tôi quan niệm thành ngữ là loại cụm từ cố định quen dùng, có *tính bền vững về hình thái - cấu trúc, tính bóng bẩy về nghĩa* (nghĩa của nó không thể giải thích đơn giản bằng nghĩa của các yếu tố cấu tạo), có chức năng định danh sự vật, hoạt động, tính chất trong hiện thực khách quan, thường được dùng với tư cách yếu tố cấu tạo câu. Theo cách hiểu này, một mặt, thành ngữ được phân biệt với từ (bởi tính chất *cụm từ*), với cụm từ tự do (bởi tính bền vững về hình thái - cấu trúc và tính bóng bẩy về nghĩa); mặt khác, được phân biệt với tục ngữ: Khác với tục ngữ được dùng với tư cách là câu, có chức năng thông báo, thành ngữ thường được dùng với tư cách yếu tố cấu tạo câu và thiên về chức năng định danh sự vật, sự việc. Cần chỉ ra rằng không chỉ các thành ngữ được biểu hiện bằng cụm từ chính phụ mà cả các thành ngữ được biểu hiện bằng cụm chủ vị cũng thiên về chức năng định danh sự việc và luôn có khả năng giải thích bằng một cụm từ chính phụ tương ứng. Ví dụ: *chuột sa chĩnh gạo* = *máy mắn rơi vào hoàn cảnh đầy đủ, sung túc*.

Từ cách hiểu trên về thành ngữ, chúng tôi hiểu thành ngữ đối là kiểu thành ngữ gồm hai vế có quan hệ đẳng lập, có sự tương ứng (tương đồng, đối ứng) với nhau theo từng cặp: giống nhau về số lượng từ (tiếng), từ loại, quan hệ cú pháp và quan hệ ngữ nghĩa. Ví dụ: *cá chậu chim lồng, bới lông tìm vết*. Ở các ví dụ vừa dẫn, ta có các thành ngữ đều gồm hai vế; các vế có sự giống nhau về số lượng từ, về từ loại (đều có dạng danh-danh/ danh-danh hoặc động-danh/ động-danh), về quan hệ cú pháp (đều có quan hệ hạn định ở thành ngữ thứ nhất và quan hệ động-bổ ở thành ngữ thứ hai) và quan hệ ngữ nghĩa (đều có quan hệ sự vật-đặc điểm ở thành ngữ thứ nhất và quan hệ hoạt động-đối tượng ở thành ngữ thứ hai). Với đặc điểm được chỉ ra, thành ngữ đối được phân biệt với thành ngữ so

*TS; Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên; Email: manhtien1286@gmail.com

**HVCH ngành Ngôn ngữ, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

sánh (*nhẹ như bấc, lớn nhanh như gió thổi,...*) và thành ngữ thường (*chuột sa chĩnh gạo, đếm cua trong lỗ...*). Mặc dù ranh giới giữa thành ngữ đối theo cách hiểu trên đây và các kiểu thành ngữ khác nhau trong nhiều trường hợp là rõ ràng nhưng cũng có những trường hợp giữa chúng có nét gần gũi nhất định. Chẳng hạn, thử xem xét các thành ngữ *kéo cày trả nợ, theo đóm ăn tàn*. Các thành ngữ này đều gồm 4 từ tạo thành 2 bộ phận (không phải hai vế) có sự giống nhau về số từ, về từ loại (đều có dạng là động-danh/ động-danh), về quan hệ cú pháp (đều có dạng là quan hệ động-bổ) và quan hệ ngữ nghĩa (đều có dạng là quan hệ hoạt động-đối tượng). Tuy nhiên, quan hệ giữa hai bộ phận thuộc các thành ngữ này không thực sự là quan hệ đẳng lập mà gần với quan hệ chính phụ hơn (bộ phận thứ hai nêu mục đích của bộ phận thứ nhất). Như vậy, các thành ngữ này không phải là thành ngữ đối theo quan niệm đã được xác định.

3. Đặc điểm cấu tạo của thành ngữ đối

3.1. Đặc điểm chung về cấu tạo của thành ngữ đối

Miêu tả đặc điểm chung của thành ngữ đối trong tiếng Việt về cấu tạo, chúng tôi sẽ dựa vào số từ (tiếng) khi tính số yếu tố trong mỗi thành ngữ cũng như trong mỗi vế đối và xét theo kiểu cấu tạo của các vế đối. Thực ra, vì hầu hết các vế đối đều có cấu tạo là cụm từ nên trên thực tế, dựa vào số lượng tiếng cũng đồng thời là dựa vào số lượng từ (vì có sự trùng nhau giữa từ đơn và tiếng).

Kết quả phân loại thành ngữ đối về cấu tạo thể hiện ở các bảng dưới đây:

Bảng 1. Thành ngữ đối xét theo số tiếng

Số tiếng của thành ngữ	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
4 tiếng	1184	94,5%	<i>khôn nhà đại chợ một nắng hai sương</i>
6 tiếng	59	4,7%	<i>khôn ba năm, đại một giờ ông nói gà, bà nói vịt</i>
8 tiếng	11	0,8%	<i>thả con săn sắt, bắt con cá sộp quan tám cũng ừ, quan tư cũng gật</i>
Tổng hợp	1254	100%	

Bảng 2. Đặc điểm cấu tạo của các vế trong thành ngữ đối 4 tiếng

Kiểu cấu tạo của vế đối	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
Dạng là cụm danh từ	465	39,3 %	<i>gạo chợ nước sông nhà tranh vách đất</i>
Dạng là cụm động từ	550	46,4%	<i>dệt gấm thêu hoa gạn đục khơi trong</i>
Dạng là cụm tính từ	102	8,6 %	<i>khôn nhà đại chợ già đòn non nhẽ</i>
Dạng là cụm chủ vị	67	5,7%	<i>đất chuyển trời rung khí ho cò gáy</i>
Tổng hợp	1184	100%	

Bảng 3. Đặc điểm cấu tạo của các vế trong TN đối 6 tiếng

Kiểu tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
Dạng là cụm danh từ	3	5,1%	<i>một tiền gà ba tiền thóc con nhà lính tính nhà quan</i>
Dạng là cụm động từ	45	76,2%	<i>đâm bị thóc chọc bị gạo đào tận gốc trốc tận rễ</i>
Dạng là cụm tính từ	4	6,7%	<i>già nhân ngãi non vợ chồng khôn ba năm đại một giờ</i>

Dạng là cụm chủ vị	7	12%	<i>ông ăn chả bà ăn nem ma đưa lối quỷ dẫn đường</i>
Tổng hợp	59	100%	

Bảng 4. Đặc điểm cấu tạo của các vế trong TN đối 8 tiếng

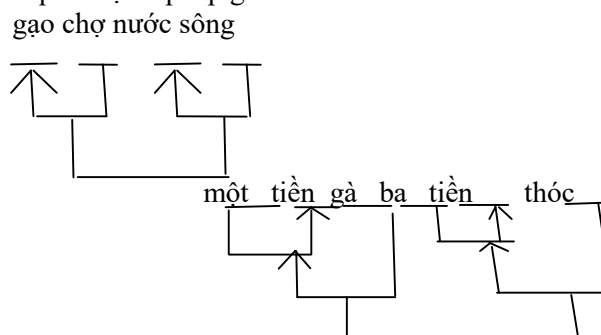
Kiểu cấu tạo của vế đối	Số lượng	Tỉ lệ %	Ví dụ
Dạng là cụm danh từ	0	0 %	
Dạng là cụm động từ	4	36,4%	<i>thả con săn sắt bắt con cá sộp</i>
Dạng là cụm tính từ	0	0 %	
Dạng là cụm chủ vị	7	63,6%	<i>ông mắt chân giò bà thò chai rượu</i>
Tổng hợp	11	100%	

3.2. Đặc điểm cấu tạo của các vế đối

a) Vế đối là cụm danh từ

Thành ngữ đối có vế đối là cụm danh từ có số lượng lớn thứ hai với 468 vế (chiếm 37.3% tổng số vế đối), trong đó, 465 vế thuộc thành ngữ 4 tiếng và 3 vế thuộc thành ngữ 6 tiếng. Ví dụ: *gạo chợ nước sông, nhà tranh vách đất, com đùm com nắm, con nhà lính tính nhà quan, một tiền gà ba tiền thóc*.

Có thể biểu hiện mối quan hệ cú pháp giữa các từ ở vế đối như sau:



Xét theo đặc tính từ loại của các yếu tố tạo nên vế đối, có thể chia vế đối là cụm danh từ thành một số dạng cụ thể. Chẳng hạn, ở thành ngữ 4 tiếng, vế đối là cụm danh từ gồm các dạng:

- Dạng danh - danh: Đây là dạng rất phổ biến của vế đối hai tiếng. Ví dụ: *biển bạc rừng vàng, cá chậu chim lồng, gạo chợ nước sông*...

- Dạng danh - động. Ví dụ: *bát ăn bát để, com đùm com nắm, con bé con bông, quyền sinh quyền sát*.

- Dạng danh - tính. Ví dụ: *ao tù nước đọng, cửa ngon vật lạ, tình xưa nghĩa cũ, con đen vận tưng, com hầm cà thiêu, com dẻo canh ngọt*.

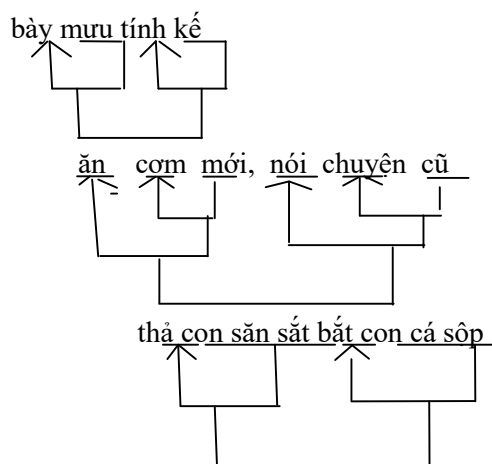
- Dạng số - danh (danh - số). Ví dụ: *ba chân bốn cẳng, ba cọc ba đồng, ba đầu sáu tay, ba dây bảy mối, ba máu sáu cơn*. Ở dạng danh - số, yếu tố giữ vai trò định ngữ cho danh từ trung tâm là số từ thứ tự. Dạng này nhìn chung không phổ biến. Ví dụ: *ngày ba tháng tám, ngày một ngày hai*.

- Dạng danh từ - đại từ. Ví dụ: *công kia việc nọ, điều nọ tiếng kia*

- Dạng phó từ - danh từ. Dạng này rất ít gặp và có thể coi là biến thể của vế đối hai tiếng là cụm động từ trong đó động từ có đã bị lược bỏ. Ví dụ: *không kèn không trống*.

b) Vế đối là cụm động từ

Vế đối có dạng cấu tạo là cụm động từ có số lượng lớn nhất với 599 vế (chiếm tỉ lệ 46,7%), trong đó, 550 vế thuộc thành ngữ 4 tiếng, 45 vế thuộc thành ngữ 6 tiếng và 4 vế thuộc thành ngữ 8 tiếng. Ví dụ: *buôn quan bán tước, bảy mưu tính kế, ăn com nhà vác ngà voi, đâm bị thóc chọc bị gạo, đo lọ nước mắm đếm củ dưa hành, thả con săn sắt bắt con cá sộp*. Mô hình cú pháp:



Vế đối là cụm động từ cũng bao gồm một số dạng cụ thể. Chẳng hạn, ở thành ngữ 4 tiếng, vế đối là cụm động từ bao gồm các dạng:

- Dạng động - danh. Ví dụ: *ăn hương ăn hoa, buôn thúng bán mẹt, dẹt gấm thêu hoa.*
- Dạng động tính. Ví dụ: *ăn to nói lớn, bóc ngắn cắn dài, chạy ngược chạy xuôi, đồ ngon đồ ngọt, đoán già đoán non.*
- Dạng động - động. Ví dụ: *ăn nhờ ở đậu, bán đồ bán tháo, khóc đứng khóc ngồi, nghĩ tới nghĩ lui.*
- Dạng động từ - phó từ (phó từ - động từ). Ví dụ: *bàn đi tính lại, bàn ra tán vào, vô thưởng vô phạt.*

- Dạng số từ - động từ (động từ - số từ)

Theo quy tắc ngữ pháp, số từ thường kết hợp với danh từ và giữ vai trò định ngữ chỉ số lượng hay thứ tự của sự vật do danh từ biểu thị. Tuy nhiên, trong số các thành ngữ đối, có thể gặp một số trường hợp số từ kết hợp với động từ. Những trường hợp này được coi là trường hợp đặc biệt. Ví dụ: *ba chìm bảy nổi, một mắt mười ngờ, năm lo bảy liệu, chia năm sẻ bảy.*

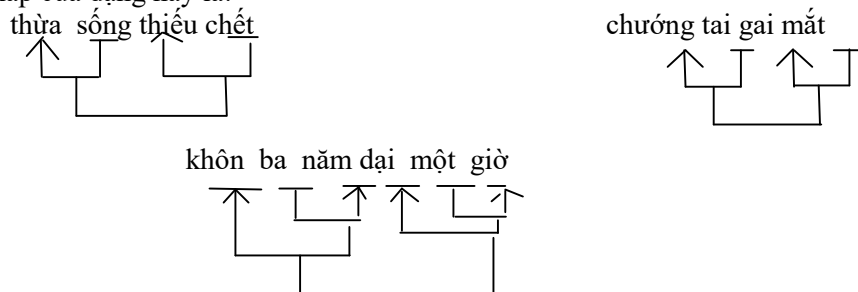
Trong những trường hợp trên đây, có thể cho rằng đã có sự tỉnh lược danh từ ở sau số từ (vì lý do đảm bảo tính ngắn gọn, chặt chẽ, cố định về cấu tạo của thành ngữ).

- Dạng tính từ - động từ. Dạng này ít gặp và trong một số trường hợp, trật tự có thể chuyển thành dạng động - tính. Ví dụ: *cao chạy xa bay.*

c) Vế đối là cụm tính từ

Vế đối có dạng cấu tạo là cụm tính từ gồm 106 vế (chiếm 8.3%), trong đó, 102 vế thuộc thành ngữ 4 tiếng, 4 vế thuộc thành ngữ 6 tiếng. Ví dụ: *chương tãi gai mắt, dầy gió dạn sương, xuôi chèo mát mái, thuận buồm xuôi gió, gần nhà xa ngõ, bằng vai phải lứa, thua chị kém em, già nhân già non vợ chồng, khôn ba năm đại một giờ, sáng tại họ điếc tại cãnh, trơ như đá vững như đồng.*

Mô hình cú pháp của dạng này là:



Vế đối có kiểu cấu tạo này ở thành ngữ 4 tiếng bao gồm một số dạng cụ thể:

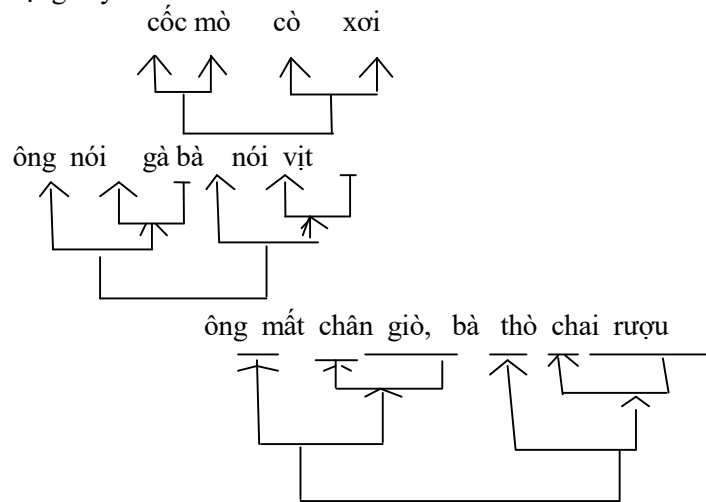
- Dạng tính - danh. Ví dụ: *chung gối chung chăn, chương tãi gai mắt, dầy gió dạn sương, xuôi chèo mát mái, thuận buồm xuôi gió, gần nhà xa ngõ, bằng vai phải lứa, thua chị kém em, ...*

- Dạng tính - động. Ví dụ: *thừa sống thiếu chết, vụng chèo khéo chống.*

d) *Vế đối là cụm chủ vị*

Vế đối có dạng cấu tạo là cụm chủ vị gồm 81 vế (chiếm 6.3%), trong đó, 67 vế thuộc thành ngữ 4 tiếng, 7 vế thuộc thành ngữ 6 tiếng, 7 vế thuộc thành ngữ 8 tiếng. Ở kiểu cấu tạo này, chủ ngữ thường là danh từ còn vị ngữ thường là động từ (cụm động từ) hoặc tính từ (cụm tính từ). Ví dụ: *bụng làm dạ chịu, cốc mò cò xoi, cha truyền con nối, đất chuyển trời rung, nước chảy bèo trôi, tai nghe mắt thấy, tre già măng mọc, trời long đất lở, giậu đổ bìm leo, ông nói gà bà nói vịt, ông ăn chả bà ăn nem, trống đánh xuôi kèn thổi ngược, ông mất chân giò bà thò chai rượu, sư nói sư phải vãi nói vãi hay, chân không đến đất cật không đến trời.*

Quan hệ cú pháp ở dạng này như sau:



4. Một số điểm đáng chú ý về cấu tạo của thành ngữ đối trong tiếng Việt

4.1. *Trật tự linh hoạt của các vế đối*

Do mối quan hệ giữa hai vế trong thành ngữ đối luôn là quan hệ đẳng lập nên trong nhiều trường hợp, các vế đối có thể thay đổi vị trí mà không dẫn đến sự thay đổi tính chất của mối quan hệ cú pháp, mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các vế. Ví dụ: *bằng chị bằng em → bằng em bằng chị, nghĩ gần nghĩ xa → nghĩ xa nghĩ gần, nửa hư nửa thực → nửa thực nửa hư, non xanh nước biếc → nước biếc non xanh, mở mày mở mặt → mở mặt mở mày, đâm chồi nảy lộc → nảy lộc đâm chồi.*

4.2. *Cấu tạo thành ngữ đối từ các từ ghép đẳng lập bằng cách tách xen các tiếng*

Do có sự gần gũi giữa từ, hình vị và âm tiết nên trong một số trường hợp, các từ ghép đẳng lập có thể được tách ra (được xé đôi) và các yếu tố vốn là hình vị trong chúng được dùng xen kẽ với tư cách là từ tham gia cấu tạo các vế đối. Đây có thể coi là hiện tượng đặc biệt trong cách cấu tạo thành ngữ đối tiếng Việt.

So sánh:

Từ ghép

ăn ở, chung đụng

ăn nói, gian dối

bàn tính, mưu kế

buôn bán, tần tảo

buôn bán, gian lận

điều khiển, binh tướng

chia sẻ, ngọt bùi

Thành ngữ đối

ăn chung ở đụng

ăn gian nói dối

bàn mưu tính kế

buôn tảo buôn tần

buôn gian bán lận

điều binh khiển tướng

chia ngọt sẻ bùi

Như các ví dụ trên đây cho thấy, nếu ở các từ ghép, các yếu tố cấu tạo nên chúng chỉ là các hình vị thì ở các thành ngữ đối, các yếu tố đó đã trở thành từ và giữ các chức vụ cú pháp nhất định trong cụm từ.

4.3. Hiện tượng lặp từ

Một trong những nguyên tắc tạo lập cấu trúc đối là các yếu tố tương ứng vừa phải có sự giống (sự cân bằng hay sự tương đồng), vừa phải có sự khác nhau (sự đối lập hay sự khác biệt). Theo quy tắc này các thành ngữ như: *ba chìm bảy nổi, bót ngắn cần dài, khôn nhà dại chợ, giờ cao đánh khẽ...* được coi là các thành ngữ đối điển hình. Tuy vậy, trên thực tế, có thể gặp một số trường hợp có sự lặp lại từ ở các vế đối. Ví dụ: *ăn bớt ăn xén, bằng chị bằng em, bắt khoan bắt nhất, bữa đực bữa cái, cãi chày cãi cối, của chìm của nổi, cùng hội cùng thuyền, đoán già đoán non, nghĩ xa nghĩ gần...* Theo chúng tôi, hiện tượng trên có những nguyên nhân phức tạp trong đó có nguyên nhân thuộc về mặt ngữ nghĩa. Chẳng hạn, nếu ở thành ngữ như: *gây thù kết oán, bàn mưu tính kế, ghi xương khắc cốt*, để tránh trùng lặp với các yếu tố ở vế thứ nhất, có thể dễ dàng tìm được các yếu tố gần nghĩa dùng ở vế thứ hai (*gây - kết, bàn - tính, ghi - khắc*) thì ở các thành ngữ như *bằng xương bằng thịt, cãi chày cãi cối*, rất khó tìm các yếu tố tương đương về nghĩa hay gần nghĩa với các yếu tố *bằng, cãi* để đặt vào vế thứ hai. Mặc dù sự lặp từ ở thành ngữ đối như đã chỉ ra trên đây có ảnh hưởng nhất định đến tính chất đối, nhưng các thành ngữ đang xem xét vẫn có tính chất cơ bản của thành ngữ đối: Chúng vẫn đáp ứng được các tiêu chí cơ bản của thành ngữ đối (cụ thể, tiêu chí về số tiếng, số vế đối, về từ loại và sự đối lập ở thành tố còn lại trong vế).

4.4. Quan hệ ngược cú pháp tiếng Việt ở các thành ngữ đối Hán Việt

Như đã biết, cú pháp tiếng Việt và cú pháp tiếng Hán có sự khác biệt nhất định về một số loại cấu trúc mà thể hiện rõ nhất là cấu trúc hạn định (cấu trúc gồm danh từ là trung tâm và định ngữ) và cấu trúc động - trạng (động từ - trạng ngữ). Vì vậy, các thành ngữ đối Hán Việt thuộc hai loại cấu trúc này có trật tự từ khác các cấu trúc tương ứng trong tiếng Việt. Chẳng hạn, ở thành ngữ Hán Việt có cấu trúc hạn định, định ngữ được đặt trước danh từ trung tâm. Ví dụ: *quốc sắc thiên hương* (dịch sát nghĩa từng chữ theo trật tự từ: *nước sắc trời hương*, dịch ý sang tiếng Việt: *sắc nước hương trời*). Ở thành ngữ có cấu trúc động - trạng, trạng ngữ được đặt trước động từ trung tâm. Ví dụ: *tả xung hữu đột* (dịch sát từng chữ theo trật tự tiếng Hán: *trái xông phải đột*, dịch ý sang tiếng Việt: *tiến công, đánh phá các phía*).

4.5. Hiện tượng xen kẽ yếu tố thuần Việt và yếu tố Hán Việt

Trong số các thành ngữ đối tiếng Việt, có một số thành ngữ trong đó, yếu tố thuần Việt được dùng xen kẽ yếu tố Hán Việt. Ví dụ: *bán sống bán chết: bán (nửa) là yếu tố Hán Việt, nhất bên trọng, nhất bên khinh: nhất (một) là yếu tố Hán Việt, trọng (nặng, coi trọng), khinh (nhẹ, xem nhẹ) là những yếu tố Hán Việt, thượng cẳng tay hạ cẳng chân: thượng (trên), hạ (dưới) là những yếu tố Hán Việt.*

4.6. Cách kết hợp từ đặc biệt

Trong số các thành ngữ đối tiếng Việt, bên cạnh phần lớn trường hợp các từ kết hợp với nhau phù hợp với quy tắc cú pháp tiếng Việt, có thể gặp những trường hợp có cách kết hợp từ đặc biệt. Thuộc số này là những thành ngữ như: *một mắt/ mười ngơ, ba chìm bảy nổi, ba lo bảy liệu, nhường cơm sẻ áo, con ông cháu cha, cao chạy xa bay...* Ở ba thành ngữ đầu, số từ được kết hợp không phải với danh từ theo như nguyên tắc cú pháp thông thường mà với động từ. Đối với những trường hợp trên đây, có thể cho rằng đã có hiện tượng lược bỏ danh từ ở sau số từ (hoặc cho rằng động từ ở đây đã được dùng làm thời trong ý nghĩa của danh từ). Ở các thành ngữ sau, giữa các từ trong tổ hợp (*sẻ áo, con ông, cháu cha, cao chạy*) không có sự tương hợp về logic - ngữ nghĩa. Hiện tượng này có thể coi là kết quả hoán đổi vị trí của các từ để đạt mục đích tu từ nào đó (chẳng hạn, tạo nên sự hài hòa về ngữ âm trong thành ngữ). Tuy nhiên, cơ sở sâu xa của cách dùng từ như vậy là đặc điểm ngữ nghĩa của thành ngữ (nghĩa của thành ngữ mang tính nhất thể chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố cấu tạo và quan hệ giữa chúng).

4.7. Xu hướng hiệp vần giữa các từ/tiếng trong vế đối

Bản thân các thành ngữ đối hầu như luôn có tính cân đối hài hòa về hình thức trong đó có mặt ngữ âm (thể hiện ở sự tương ứng về số lượng âm tiết, ở sự hài hòa về thanh điệu giữa các tiếng). Về vần điệu giữa các tiếng ở hai vế, trong nhiều trường hợp, không có sự hiệp vần (ví dụ: *chân lấm tay bùn, nước lọ cơm niêu, non xanh nước biếc, gạo chợ nước sông, rào trước đón sau*). Tuy nhiên, trong một số trường hợp, giữa các vế trong thành ngữ đối có sự hiệp vần một cách có ý thức giữa các âm tiết

nhằm tăng cường sự hài hòa về ngữ âm của thành ngữ. Ví dụ, sự hiệp vần ở các thành ngữ bốn tiếng: *bóc ngắn cắn dài, cốc mò cò xoi, com lành canh ngọt, cầu được ước thấy, đầu tắt mặt tối, đầu xuôi đuôi lọt, được voi đòi tiên, xanh vỏ đỏ lòng*; sự hiệp vần ở các thành ngữ sáu tiếng: *ăn chưa sạch bạch chưa thông, chặt đầu cá và đầu tôm, đâm bị thóc chọc bị gạo, nói có sách mách có chứng, con nhà lính tính nhà quan, đổ mồ hôi sôi nước mắt, sai một li đi một dặm, tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa*; sự hiệp vần ở các thành ngữ tám tiếng: *con rô cũng tiếc con giếc cũng muốn, chân không đến đất cát không đến giờ, ông mất chân giò bà thò chai rượu, quan tâm cũng ừ quan tư cũng gật; nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa, ...*

5. Kết luận

Qua khảo sát cấu tạo của thành ngữ đối trong tiếng Việt, có thể rút ra những kết luận sau:

1) Là kiểu thành ngữ có số lượng lớn, thành ngữ đối trong tiếng Việt cũng có cấu tạo khá phức tạp. Cụ thể:

- a) Khác với các kiểu thành ngữ khác, thành ngữ đối luôn có số lượng từ (tiếng) chẵn (4,6 hoặc 8 từ).
- b) Thành ngữ đối luôn có cấu tạo gồm 2 vế có quan hệ đẳng lập, có sự tương ứng (tương đồng, đối ứng) về số từ, từ loại, quan hệ cú pháp, quan hệ ngữ nghĩa.
- c) Các vế của thành ngữ đối thuộc 4 kiểu cấu tạo: cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ và cụm chủ vị, trong đó, kiểu cấu tạo phổ biến nhất là cụm động từ, thứ đến là cụm danh từ. Mỗi kiểu cấu tạo trên đây của các vế đối đều gồm các dạng cụ thể, phân biệt với nhau về từ loại, quan hệ cú pháp, quan hệ ngữ nghĩa tạo nên sự đa dạng về cấu tạo của thành ngữ đối.

2) Bên cạnh những đặc điểm chung như đã chỉ ra trên đây, thành ngữ đối còn có một số nét đáng chú ý. Đó là: khả năng thay đổi trật tự giữa các vế đối; việc cấu tạo thành ngữ đối bằng cách tách xen các tiếng của các từ ghép đẳng lập; hiện tượng lặp từ ở các vế đối; quan hệ ngược cú pháp ở các thành ngữ đối Hán - Việt; hiện tượng xen kẽ giữa các từ (tiếng) thuần Việt và Hán Việt; cách kết hợp từ đặc biệt ở một số thành ngữ; xu hướng hiệp vần trong thành ngữ đối. Những nét đáng chú ý trên đây có thể giải thích dựa vào đặc điểm ngữ pháp, ngữ nghĩa của bản thân thành ngữ đối hoặc dựa vào đặc điểm ngữ pháp của tiếng Việt nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2011), *Từ vựng ngữ nghĩa học tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Thiện Giáp (1985), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
3. Hoàng Văn Hành (1988), *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, Nxb Khoa học xã hội.
4. Hoàng Văn Hành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
5. Hà Quang Năng (2013), *Đặc điểm về so sánh trong thành ngữ so sánh tiếng Việt* (Kỷ yếu Hội thảo Ngôn ngữ học toàn quốc).
6. Phạm Thuận Thành (2003), “Bàn thêm về ranh giới giữa thành ngữ và tục ngữ”, *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, số 1+2.
7. Cù Đình Tú (2002), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
8. Bùi Khắc Việt (1981), *Về thành ngữ tiếng Việt* (trong tập *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt thành ngữ*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội).

Some structural features of antithetical idioms in Vietnamese

Abstract: This article examines the grammatical structure of antithetical idioms in Vietnamese. The main points discussed in the article include: 1. Defining the concept of antithetical idioms (in which such idioms are understood as a type of idiom consisting of two clauses that are coordinated and correspond to each other in pairs—similar in word count, word class, syntactic relation, and semantic relationship); 2. Describing the grammatical structural features of antithetical idioms in the following aspects: a) General structural characteristics; b) Structural features of each clause; c) Some unique structural traits of Vietnamese antithetical idioms.

Key words: phrase; antithetical idiom; structure; grammar; paired clause.